NGHI LỄ GIA TIÊN CỦA ĐÔI HÔN PHỐI
TỪ ĐIỂM NHÌN LỊCH SỬ VÀ GIÁO LUẬT

Lm. Barnaba Trần Đình Phục

Mở đầu

Tại Cực-Đông, nhiều nghi lễ được gắn liền với những nghi thức thế tục, nhưng từ khi có những thay đổi đáng kể trong những thói quen và não trạng, những nghi lễ này mang ý nghĩa thuần túy dân gian về hiếu thảo, hoặc tôn kính ông bà tổ tiên, hoặc báo hiếu trong những tương quan xã hội. Mặt khác, từ khi đức tin Kitô giáo cắm rễ vào Việt Nam đầu thế kỷ thứ XVI, đã có một thời kỳ đau khổ do xung đột trong lịch sử Giáo Hội dưới danh xưng «tranh cãi các nghi lễ»[1], đã làm lay chuyển đạo Công giáo. Cuộc xung đột kết thúc bằng việc kết án những nghi lễ thờ kính ông bà tổ tiên.

Đạo Công giáo, trong một vài thời kỳ đã coi việc tôn kính ông bà tổ tiên, những nhân vật và những anh hùng dân tộc giống như một hình thức mang tinh thần mê tín. Các tín hữu bị cấm thờ kính ông bà tổ tiên. Huấn thị *Plane compertum est* của Đức Giáo Hoàng Piô XII, năm 1939[2], đã chấm dứt thời kỳ xung đột. Tại Việt Nam, dưới ảnh hưởng của gia đình, việc thực hành thờ kính ông bà tổ tiên bắt buộc đối với đôi hôn phối vào ngày thành hôn của họ sau khi đã cử hành hôn lễ tại nhà thờ, đã được chuẩn nhận qua những chỉ dẫn của các Giám mục Việt Nam có giá trị cho đến ngày nay. Chúng ta thử nhìn lại quá khứ hình thành nghi lễ thờ kính tổ tiên ông bà trước khi nhấn mạnh đến nghi lễ gia tiên của đôi hôn phối, một giao ước của đôi hôn phối và gia đình hai họ.

I. Đức tin vào Việt Nam vào thế kỷ thứ XVI

Việt Nam đã được đón nhận đức tin vào thế kỷ thứ XVI nhờ những nhà truyền giáo người Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Italia và Pháp, đặc biệt là Linh mục Alexandre de Rhodes, tiếp theo ngài nhiều Linh mục thuộc Hội thừa sai Paris, Hội các Linh mục triều, do Đức Giáo Hoàng sai đến, nhờ sự đề nghị của Cha Alexandre de Rhodes, để loan báo Tin Mừng trên mãnh đất Cực-Đông này. Công giáo đã có mặt tại Việt Nam.

A. Các nhà truyền giáo dòng Đa Minh

Các nhà truyền giáo phương Tây bắt đầu vào Việt Nam vào khoảng thế kỷ thứ XVI và những sứ điệp Kitô giáo đầu tiên đến Việt Nam do những nhà truyền giáo dòng Đa Minh người Bồ Đào Nha: «*Các người Âu châu đến Việt Nam, hoặc là theo con đường thương mại, hoặc theo con đường truyền giáo*»[3].

Nhờ các Linh mục dòng Đa Minh người Bồ Đào Nha, đức tin đã được loan truyền lần đầu tiên tại Việt Nam vào năm 1533[4], nhờ tu sĩ tên là Ignace, đến từ Châu Âu qua con đường Malacca, và sau đó, Công giáo gia tăng nhanh chóng tại đây: «*Từ năm 1533, một chỉ dụ cấm rao truyền đạo tại Tonkin do «một người từ bên kia Đại dương» là Inikhu (Ignace), có lẽ tu sĩ*

[1] «Querelle des rites».
[2] Cf. Siège Apostolique et les missions, Textes et documents pontificaux II, Pie XII, 1939 à 1954, Paris/Lyon, Union Missionnaire du Clergé, 1959, n° 1, p. 153-154.
[3] Charles MAYBON, *Histoire moderne du pays d'Annam,* Paris, Plon-Nourrit et Cie, 1919, p.22.
[4] Cf. Jean LADAME, *Saints et bienheureux de Jean-Paul II. Les 117 Saint martyrs vietnamiens,* Montsûrs, Résiac, 1992, p.1-10.

đến từ Malacca»[5]. Cũng vậy, sử biên niên hoàng đế viết rằng *«trong tháng thứ ba của năm thứ nhất Nguyễn Hòa Lê Trang Tông (1533), có một người đến từ Phương Tây, tên là Inikhu (Ignace) đã bí ẩn đến những ngôi làng Ninh Cường và Quan Anh, huyện Nam Chan, và làng Trà Lữ, huyện Giao Thủy, Nam Định, phía Bắc của Việt Nam để lén lút rao giảng học thuyết sai lạc về Gia-tô (Giêsu)»*[6]. Việc rao giảng Tin mừng lan nhanh tại Việt Nam. Nhiều thợ gặt được sai đến, nhiều hoa quả đầu mùa được gặt hái. Chúng ta đề cập đến những nhà truyền giáo dòng Tên đến Việt Nam theo những bước chân các nhà truyền giáo dòng Đa Minh.

B. Các nhà truyền giáo dòng Tên

Sau những bước chân của các nhà truyền giáo dòng Đa minh là những nhà truyền giáo dòng Tên đến Việt Nam vào thế kỷ thứ XVII để rao giảng Tin Mừng. Công việc truyền giáo bắt đầu có tổ chức quy mô hơn. Quả vậy, người Nhật Bản đã bắt bớ các nhà truyền giáo và các Kitô hữu và họ đã chạy sang Hội An, Việt Nam, nơi đây là trung tâm giao dịch của người Việt Nam với người nước ngoài như Trung Hoa, Nhật Bản và Pháp Quốc. Chính lúc bắt bớ đạo tại Nhật Bản mà những nhà thừa sai dòng Tên cập bến tại Đàng Trong (1615) và tại Đàng Ngoài (1627). Có tất cả bảy Linh mục dòng Tên, trong số đó, có Cha Alexandre de Rhodes, người nhận lệnh đến Nam Kỳ. Georges Taboulet viết rằng:

> "*Vào năm 1615, sứ vụ Tông đồ của các Linh mục Dòng Tên khởi đầu tại Đàng Trong do một người Napoli, François Buzoni, và một người Bồ Đào Nha, Diego Carvalho, cử hành lễ Phục sinh cho các Kitô hữu Nhật Bản […]. Mười một năm sau Đàng Trong, sẽ đến phiên Đàng Ngoài, nơi đó một chiếc tàu thủy từ Macao đã chở hai Linh mục dòng Tên đi thẩm tra vào năm 1626: Vương quốc phía Bắc có lẽ đã không đi vào cửa Trung Quốc? Việc tiếp nhận mà Chúa Trịnh Tráng của Hà Nội dành riêng cho nhà truyền giáo Baldinotti, Ý, là một sự động viên*"[7].

Nhờ lòng nhiệt thành mà Cha Alexandre de Rhodes tự nghiên cứu tiếng Việt để thực hiện việc truyền giáo. Cha nhớ lại những kỷ niệm như sau: "*Chúng tôi tìm thấy các Cha Emmanuel Fermandez và Buzoni truyền giảng không ngừng nghỉ bằng những giải thích; chỉ có Cha François de Pina thì rách biệt ra và ngài nói rất to, và tôi chú ý rằng những bài giảng của ngài hữu ích hơn những người khác. Điều đó buộc tôi phải miệt mài nghiêm túc nghiên cứu, vẫn còn tiếc nuối, nhưng dường như tôi ít cực khổ hơn là tận dụng nó*"[8].

Phương pháp truyền giáo của các nhà thừa sai dòng Tên là áp dụng cách thức đã được chuẩn nhận ở Nhật Bản nhờ thực hành hơn năm mươi năm và hơn thế nữa chuyển ngữ âm được nói để tạo thành alphabet Châu Âu "Chữ Quốc Ngữ". Joseph Nguyễn Huy Lai thêm rằng:

> "*Chữ "Quốc ngữ" phù hợp với người Việt Nam, từ Bắc chí Nam, từ bây giờ, giữ được những chữ cũ của Trung Quốc giống như phương tiện nghiên cứu cổ điển, điều này gợi lại tiếng Hy lạp và La tinh tại phương Tây. Cũng vậy, Việt Nam là một nước duy nhất của*

---

[5] Georges TABOULET, *La geste française en Indochine. Histoire par les textes de la France en Indochine des origines à 1914,* Paris, Adrien-Maisonneuve, 1955, tome 1, p.10; Cf. Histoire universelle des missions catholiques, d'après la conception originale de J.L.FRANCOISPRIMO, publié sous la direction de Mgr.S. DELACROIX, Paris, Libraire Grund, 1958, tome 2, p.55.

[6] [Phan Thanh Gian, dir], *Kham Dinh Viet su Thong Giam Cuong muc,* Taipei, National central Library, 1969, liv.33, p.10, in *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises,* Saïgon, supplément au t.45, 1970, p.10. Traduction française de Philippe LANGLET, *La tradition vietnamienne: un état national au sein de la civilisation chinoise,* extrait du *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises,* Nouvelle série, tome 45, n°2 et n°3, Saigon, 1970, p.102.

[7] George TABOULET, *op. cit.,* p.10; Cf. *Histoire universelle des missions catholiques, ibid.,* p.57; *Vogages et missions du Père Alexandre de Rhodes de la Compagnie de Jésus en Chine et autres royaumes de l'Orient,* par un Père de la Compagnie, Paris, Julien Lanier et Cie, 1854, p.109-110.

[8] *Ibid.,* p.87-88; Georges TABOULET, *op., cit.,* p.13.

Cực- Đông sử dụng chữ viết Rôma hóa, nhờ sự khám phá của Cha Alexandre de Rhodes và những cộng sự của ngài. Người Việt Nam, Công giáo hay không đều dành một sự tôn trọng lớn lao cho ngài, và tưởng niệm ngài. Để làm chứng cho những đóng góp của nhà thừa sai nổi bậc này, một bia mộ tưởng niệm được đặt vào năm 1941, trong một cái miếu, cạnh bờ hồ nhỏ tại Hà Nội (Miền Bắc Việt Nam)"[9].

Cha Alexandre de Rhodes đáng được coi như là người khám phá ra chữ Quốc ngữ. Đặc biệt hơn nữa, ngài là người đầu tiên biến đổi ngữ âm và Rôma hóa ngôn ngữ Việt Nam. Ngài còn là đấng sáng lập Hiệp hội giáo lý viên[10]. Trong suy nghĩ và tâm thức của mình, Giáo Hội Việt Nam xem Cha Alexandre de Rhodes là một biểu tượng lớn trong số những nhà thừa sai nước ngoài, bởi vì ngài phải được xem như là người khám phá chính yếu về chữ Quốc Ngữ.

Có nguồn gốc tại Avignon, sinh ngày 15/03/1591, Cha Alexandre de Rhodes gia nhập dòng Tên tại Rôma, sau đó được gửi đi Macao năm 1618, ở đó, ngài nghiên cứu ngôn ngữ Á châu, đặc biệt là tiếng Nhật, và, vì cuộc bắt hại và trục xuất nghiêm ngặt các nhà truyền giáo, cuối cùng ngài đến Nam Kỳ vào năm 1624: *"Chúng tôi rời Macao vào tháng 12 năm 1624, và trong vòng 19 ngày, chúng tôi đến Nam Kỳ"*[11].

Trở về Rôma, Cha Alexandre de Rhodes đệ trình lên Bộ Rao Giảng Tin Mừng cho các dân tộc để gửi trực tiếp các Giám mục đến Việt Nam với mục đích đào tạo giáo lý viên. Ngày 03/07/1645 là thời gian Cha Alexandre de Rhodes rất đau lòng khi bị tách ra khỏi Kitô hữu Việt Nam: "*Tôi không thể diễn tả như thế nào những khủng hoảng và nước mắt của tất cả các Kitô hữu tập họp lại tại cửa biển khi tôi phải ra đi với những người Bồ Đào Nha. Tôi rời vùng đất Đàng Trong, nhưng chắc chắn không phải là rời xa con tim, cũng như một ít ở Đàng Ngoài. Quả thật, hoàn toàn đúng là cả hai, và tôi không nghĩ là mãi mãi ra đi*"[12].

Vào năm 1652, tại Paris, Cha Alexandre de Rhodes gặp nhiều Linh mục, trong số đó, có năm Linh mục đến Rôma vào 1657 trình bày kế hoạch sứ vụ cho Đức Giáo Hoàng. François Pallu, kinh sĩ thành Tours, Pierre Lambert de la Motte, nhà giáo luật, đến trình bày lý do của mình tại Rôma. Năm 1658, Đức Giáo Hoàng Alexandre de Rhodes VII chỉ định bốn Giám mục, với chức vụ Giám quản Tông tòa: François Pallu, tại Bắc Kỳ và phía Bắc của Trung Hoa, Lambert de la Motte cho vùng Nam Kỳ và những vùng lân cận khác của Trung Hoa:

"*Vào tháng 05 năm 1658, Đức Giáo Hoàng Alexandre VII chỉ định những Đại diện Tông tòa cho vùng Cực- Đông hai Giám mục, đại diện duy nhất của Tòa Thánh, Đức Cha Fraçois Pallu và Đức Cha Lambert de la Motte. Việc chỉ định này đánh dấu khởi đầu của Hội Thừa sai Paris, hiệp hội này, trong những miền khác nhau của Cực-Đông, sẽ gắn bó với những linh hồn và kéo lại gần nhau giữa phương Đông và phương Tây, dưới sự trợ giúp của đức ái Kitô giáo* "[13].

---

[9] Joseph Nguyễn Huy Lai, *La tradition religieuse spirituelle et sociale au Vietnam,* Paris, Beauchesne, 1982, p.380.

[10] Cf. *Voyages et missions du Père Alexandre de Rhodes de la Compagnie de Jésus en Chine et autres royaumes de l'Orient, ibid.,* p.86-87, repirs par Georges TABOULET, *op.cit.,* p.12-13.

[11] *Ibid.*

[12] Cf. *Voyages et missions du Père Alexandre de Rhodes de la Compagnie de Jésus en Chine et autres royaumes de l'Orient, ibid.,* p.301, repirs par Georges TABOULET, *op.cit.,* p.21.

[13] Adrien LAUNAY, *Histoire générale de la Société des Missions Etrangères,* 3 vol., Paris, 1844, repris par Georges TABOULET, *op. cit.,* p.23.

Về phần mình, Cha Alexandre de Rhodes lãnh nhận sứ vụ mới tại Perse. Ngài mất tại Ispahan, miền Nam Téhéran, ngày 05/11/1660[14]. Những điều liên quan đến giảng dạy, Cha Alexandre de Rhodes đã ban hành Bản tóm lược giáo lý tám ngày[15].

Ước mong của Cha Alexandre de Rhodes là làm cho bà Catherine, chị của Chúa Trịnh Tráng trở lại, cũng như bà con gia đình Chúa Trịnh. Chúng ta có thể nói rằng các nhà thừa sai đã mang sứ điệp đức tin cho tất cả mọi tầng lớp trong xã hội. Giáo Hội tiên khởi tại Việt Nam đã bắt đầu với nhiều thành phần trong xã hội…Hơn nữa, Cha Alexandre de Rhodes muốn thành lập hàng giáo sĩ bản địa có khả năng đảm nhận công việc lâu dài của Giáo Hội Việt Nam.

Tắt một lời, khi đến Việt Nam, Cha Alexandre de Rhodes đã tạo nên một Giáo Hội vững chắc và chiếu sáng trải dài trên dãi đất hình chữ S này. Đối với việc thực hành tôn giáo, Cha Alexandre de Rhodes, một mặt đã thành lập đội ngũ giáo lý viên và những kinh cầu hằng ngày bằng tiếng Việt, mặt khác đã hình thành những cách sử dụng và những nghi thức tôn giáo phù hợp với phong tục của địa phương.

C. Các Linh mục thuộc Hội Thừa Sai Paris

Các nhà thừa sai Paris[16] đã đến Việt nam vào khoảng năm 1660: Cha Lambert de la Motte đến Đàng Trong và Cha François Pallu đến Đàng Ngoài. Quả vậy, vào năm 1659, Đức Giáo Hoàng Alexandre VII (1655-1667), qua Sắc chỉ *Super Cathedram Principis Apostolorum*[17], đã thành lập tại Việt Nam hai Giáo phận đầu tiên được ký thác cho hai Giám mục của Hội Thừa Sai Paris này: "*Ngày mồng 9 tháng 10 năm 1659, hai tài liệu mới thuộc Giáo hoàng có nội dung bổ nhiệm hai vị Đại diện Tông tòa, không chỉ trong lãnh thổ Đàng Trong, mà còn ở Trung Hoa. Đức Cha Pallu coi sóc vùng Đàng Ngoài, các tỉnh thuộc Trung Hoa, Yunnan, Koui-tchéou, Hou-kouang, Kuang-si, Setchoan và Lào; Đức Cha Lambert de la Motte, ở Đàng Trong và những vùng lân cận, như Tché-kiang, Fo-kien, Kuang-touang, Kiaang-si với hòn đảo Hải Nam*"[18].

Khởi hành của hai vị Đại diện Tông Tòa đến vùng Cực Đông không thực hiện mà không có những Huấn thị tiên quyết của Đức Giáo Hoàng. Thật vậy, Huấn thị *Istructio Vicariorum Apostolicorum ad regna sinarum Tonchini et Cochinae proficiscemtum*[19], vào năm 1659, trong đó, các ngài lãnh nhận từ Bộ Truyền Giáo những chỉ dẫn cụ thể. Những Huấn thị *Instructions romaines* được gửi đến Paris ngày 10/11/1659[20]. Những Huấn thị này

---

[14] Cf. *Histoire universelle des missions catholiques, ibid.,* p.150.
[15] Cf. *Voyages et missions du Père Alexandre de Rhodes de la Compagnie de Jésus en Chine et autres royaumes de l'Orient, ibid.,* p.87, repirs par Georges TABOULET, *op.cit.,* p.12.
[16] Missions Etrangères de Paris (MEP)
[17] Cf. ĐGH Alexandre VII, Bef *Super Cathedram Principis Apostolorum,* 9 septembre 1965, dans *Bullarium Patronaotus Portugalliae Regum,* Lisbonne, Visconde DE PAIVA MANSO, 1870, tome II, p.95.
[18] Henri-Alexandre CHAPOULIE, *Aux origines d'une Eglise: Rome et les missions d'Indochine au XVIIème siècle,* Paris, Bloud et Gay, 1943, tome I, p.117.
[19] *Instrutio Vicariorum Apostolicorum ad regna sinarum Tonchini et Cochinae proficiscentum 1659,* dans *ibid.,* p.393-402; *Instructions aux Vicaires apostoliques des Royaumes du Tonkin et Cochinchine de 1659,* traduction française par Bernard JACQUELINE, «L'esprit missionnaire de la S.C. 'de Propagande Fide' d'après les Instructions aux vicaires apostoliques des royaumes du Tonkin et de Cochinchine (1659)», dans *Le Document Omnis terra,* Rome, LXXXI-5, mai 1971; Cf. ALEXANDRE VII (1655-1667), «Instruction à l'usage des vicaires apostoliques en partance pour les royaumes chinois, de Tonkin et de Cochinchine 1659», in *Le Siège Apostolique et les missions, Textes et documents pontificaux,* Paris/Lyon, Union missionnaire du Clergé, 1959, tome I, p.10-20.
[20] Cf. Jean GUENNOU, *Missions Etrangères de Paris,* Paris, Fayard, 1984, p.73-76.

dướng dẫn việc tổ chức cụ thể hành trình của những vị Đại diện Tông tòa và tinh thần truyền giáo phải có tại Việt Nam.

Liên quan đến tinh thần truyền giáo, có ba hướng dẫn chính yếu. Điều đầu tiên là mục đích chính, trong đó, Bộ Truyền Giáo gửi các vị Đại diện Tông Tòa: "*Đây là lý do chính yếu Bộ Truyền Giáo sai con đi: hãy ý thức mình là Giám mục trong những miền này. Điều mà con phải giữ lấy, qua những phương tiện, những phương cách thức có thể, hãy giáo dục các bạn trẻ phương cách để có năng lực lãnh nhận thánh chức Linh mục*"[21]. Điều thứ hai, Bộ Truyền Giáo đề nghị các ngài *"đừng làm bất cứ điều gì quan trọng mà không được đón nhận ủy nhiệm từ Thánh Bộ"*[22]. Điều cuối cùng khuyến khích các ngài rằng trong quê hương truyền giáo, hãy tôn trọng tập quán và những phong tục khi loan báo Tin Mừng Chúa Kitô: "*Đừng nhiệt tình, cũng không lý lẽ gì để thuyết phục các dân tộc này thay đổi những nghi lễ của họ, tập quán của họ và những thói quen của họ, miễn là những phong tục này không trái ngược cách hiển nhiên đạo lý và luân lý. Còn gì phi lý hơn khi mang đến cho người Trung Hoa phong tục Pháp, Tây Ban Nha, Italia hoặc vài quốc gia Âu Châu khác? Đừng giới thiệu cho họ đất nước chúng ta, nhưng giới thiệu đức tin, đức tin này không gạt bỏ, không làm phương hại lễ nghi, cũng không ảnh hưởng đến phong tục của bất cứ dân tộc nào, để không bị họ ghét bỏ, nhưng rõ ràng trái lại, muốn điều chúng ta gìn giữ và bảo vệ* "[23].

Trước khi đến Việt Nam thi hành sứ vụ, Đức Cha Pallu và Đức Cha Lambert de la Motte đã xây dựng tại Paris một Chủng Viện để đào tạo những Linh mục triều cho sứ mạng truyền giáo xa hơn trong tương lai của Hội Thừa sai Paris. Đức Cha Lambert de la Motte đã bất ngờ rời Paris vào ngày 18/06/1660 và cập bến tại Marseille với hai Linh mục khác[24] để đi Syrie: "*Ngày 27/11/1660, Đức Cha Lambert và hai cộng sự của ngài, sau này hai nhà tổ chức Giáo hội lớn tại Đàng Ngoài, rời cảng Malte, Chypre và Alexandre. Từ đó, họ vượt qua Syrie, Iraq và Perse*"[25]. Từ Perse, thuyền họ hướng về Ấn độ và cuối cùng đến Ayuthia, thủ đô của Xiêm (Thái Lan), vào tháng 08 năm 1662, hai mươi hai tháng sau khi khởi hành. Chính lúc ngài muốn đến Canton, bị chìm tàu, ngài buộc phải đến Ayuthia.

Đức Cha François Pallu đến Paris trễ hơn để thành lập Chủng Viện: "*Chủng viện được thành lập tại Paris, phía góc đường Rue du Bac và đường Rue de la Petite-Grenelle (ngày nay là đường Babylone, vùng đất thuộc về Giám mục Babylone), vị trí ngài đến ngày nay vẫn còn và nó được gìn giữ như là cái nôi của Đông Dương thuộc Pháp*"[26]. Vào năm 1663, Đức Cha Pallu đã lên thuyền tại Marseille với nhiều Linh mục khác. Tiếp đến, ngài gặp lại Đức Cha Lambert de la Motte tại Ayuthia hai năm sau.

Hiện tình của các Kitô hữu tại Đông Dương lúc các nhà truyền giáo đến là: «*Tại Đông Dương, tất cả được nhuốm trong máu tử đạo, […] con số các Kitô hữu lớn mạnh tại đó. Người ta tính ra ở đó có nhiều nhà thờ, những người đối lập với nhà Vua hoặc những người trong thể chế nhà Vua đều được gán cho đạo Công giáo*»[27].

---

[21] Cf. ĐGH ALEXANDRE VII (1655-1667), «Instruction à l'usage des vicaires apostoliques en partance pour les royaumes chinois, de Tonkin et de Cochinchine 1659», in *Le Siège Apostolique et les missions, Textes et documents pontificaux,* Paris, Paris/Lyon, Union missionnaire du Clergé, 1959, tome I, p.10.
[22] *Ibid.,* p.11.
[23] *Ibid.,* p.16.
[24] Cf. Jean GUENNOU, *Missions Etrangères de Paris,* Paris, Fayard, 1984, p.92-93.
[25] *Ibid.,* p.49.
[26] Cf. Georges GOYAU, *Les prêtres des Missions Etrangères,* Paris, 1932, repris par Georges TABOULET, *op.cit.,* p.24.

Đức Cha Lambert de la Motte và Đức Cha Pallu thỉnh thoảng phải làm việc lén lút để tránh những bắt bớ. Hơn nữa, các ngài trốn một nơi nào đó thay vì phải hồi hương khi họ bị trục xuất. Tại Việt Nam, sau khi đã sống ở đó nhiều tháng, Đức Cha Lambert de la Motte đã đạt được một số biến đổi. Hai Giáo xứ Công giáo được thành lập, một trường học và một nhà nguyện được cung hiến cho Thánh Giuse đã được xây lên[28]. Hơn nữa, phương pháp của các nhà thừa sai Paris là thăng tiến hàng Giáo sĩ Việt Nam và đào tạo những Linh mục bản địa để xây dựng vững chắc Giáo Hội: «*Chính tại Đàng Ngoài, ví dụ, từ năm 1666, bắt bớ khắp nơi, Cha Deydier, kế vị tương lai của Đức Cha Lambert de la Motte, thành lập một trường trung học nhỏ, che dấu trong một chiếc thuyền, một chủng viện khiêm tốn, trôi nổi, «ẩn dấu trên nước Sông Hồng», thay thế cho hang toại đạo Rôma, Cha A. Launay dí dỏm. Trong năm 1700, tức là 40 năm kể từ khi các nhà thừa sai đến, người ta tính được tại Đông Dương và Đàng Ngoài là 45 Linh mục người Việt Nam*»[29].

Đức Cha Lambert de la Motte và Đức Cha Pallu muốn rằng tất cả các Kitô hữu Việt Nam được ký thác cho Giám mục Việt Nam coi sóc. Nhưng chỉ sau 150 năm, Giám mục đầu tiên người Việt Nam mới được phong chức, đó là Đức Cha Nguyễn Bá Tòng, vào năm 1933, đã được đặt làm Giám quản Tông Tòa Phát Diệm, phí Bắc Việt Nam. Tuy nhiên, Đức Cha Lambert de la Motte đã thành lập một cộng đoàn các nữ tu và chính ngài ban hành luật sống, ngài đặt tên cho cộng đoàn này là Dòng Mến Thánh Giá[30], với mục đích của dòng là chia sẻ công việc, phục vụ Giáo Hội, những sứ vụ khác của dòng Đaminh và Phanxicô: «*Vào tháng 10 năm 1667, ngài (Đức Cha Lambert de la Motte) bày tỏ ước muốn thành lập Dòng Mến Thánh Giá... Thân cách mà ngài suy nghĩ cho Dòng Mến Thánh giá không đặt ra bất cứ vấn đề nào, bởi vì lần này là một Hội Dòng nữ thật sự, mang ba lời khấn. Đức Cha Lambert de la Motte yêu cầu họ đóng góp thêm việc hoán cải những người chưa tin bằng lời cầu nguyện và chiêm niệm. Sứ vụ trong đó các nữ tu dấn thân phụ thuộc vào não trạng của người Á Đông. Chăm sóc các bà mẹ và những thiếu nữ bệnh tật, dạy dỗ thiếu nữ rửa tội có thể cho các trẻ em nguy tử: trên đây là những nhiệm vụ mà họ phải thi hành, từng hai người một*»[31]. Chúng ta ghi nhận trên đây những hoa quả của các đấng sáng Hội thừa sai Paris tại Cực - Đông.

II. Những bản văn chỉ dẫn việc thờ kính ông bà tổ tiên

A. Huấn thị *Plane Compertum est*, 08/12/1939[32]

Rõ ràng là tại Cực Đông xưa kia có một số nghi lễ (ceremonies) gắn liền với nghi điển (rites) ngoại giáo, nay vì những biến đổi theo thời gian về các phong tục và ý tưởng, nên nó chỉ còn mang ý nghĩa dân sự, để tỏ lòng tôn kính tổ tiên, yêu mến tổ quốc và vì lịch sự trong các tương quan xã hội.

Năm 1935 và 1936, với sự chấp thuận của Đức Thánh Cha Piô XI, Thánh Bộ Truyền Giáo, dựa theo điều khoản 22 giáo luật, đã ban cho các đấng Bản quyền Mãn Châu và đế quốc Nhật

[27] François PALLU, *Etat sommaire des missions de la Chine et envoi de trois évêques dans les nouvelles Eglises de cet empire (Mémoire de propagande composé vers 1660),* repris par A. LAUNAY, *Lettres de Mgr. PALLU,* Paris, tome 1, p.392-394, cité par Georges TABOULET, *op.cit.,* p.25.

[28] Cf. Henri (de) FRONDEVILLE, «Pierre Lambert de la Motte, évêque de Béryte (1624-1679)», in *Revue d'histoire des Missions,* n°3, décembre 1924, p. 377.

[29] E.C.LESSERTEUR, *Les premiers prêtres indigènes de l'Eglise tonkinoise,* Lyon, 1883, repris par Georges TABOULET, *op.cit.,* p.39.

[30] Cf. Henri (de) FRONDEVILLE, «Pierre Lambert de la Motte, évêque de Béryte (1624-1679)», in *Revue d'histoire des Missions,* n°3, décembre 1924, p. 386.

[31] Cf. Jean GUENNOU, *Missions Etrangères de Paris,* Paris, Fayard, 1984, p.148.

[32] Bản dịch của Linh mục Giuse Đỗ Quang Chính, S.J, từ Latin sang Pháp Văn trong ACHARD, Le Siège apostolique et les missions: textes et documents pontificaux, Fascicule II, 2nd Edition, Pari-Lyon, 1959, tr.152-155.

(empire japonais) những nguyên tắc mới trong việc hướng dẫn cho thích hợp hơn với những điều kiện hiện tại.

Vừa rồi đây, các Đức Hồng y Thánh Bộ Truyền Giáo trong phiên họp toàn thể ngày 04/12/1939, đã xem xét vấn đề: nên chăng dùng phương pháp tương tự cho các xứ khác mà thời gian đã mang lại sự thay đổi y hệt.

Sau khi cân nhắc kỹ lưỡng những lý lẽ nghịch, thuận, và hỏi ý kiến các nhân vật thông thạo, các Đức Hồng y đã quyết định đưa ra những tuyên bố sau đây:

1/ Xét rằng, nhiều lần chính phủ Trung Hoa đã tuyên bố các minh nhiên là để mỗi người được tự do lựa chọn tôn giáo, và chính phủ cũng chẳng cần đặt ra những đạo luật và chỉ dụ về vấn đề tôn giáo, và bởi thế, các nghi lễ do nhà cầm quyền thi hành để kính Đức Khổng Tử, không có mục đích tế tự tôn giáo (culte religieux), nhưng chỉ là để tôn kính một nhân vật cao quý theo cách tôn trọng phải làm như tập tục tiền nhân, nên người Công giáo được phép (il est licite) tham dự các nghi lễ kính Đức Khổng, trước hình ảnh hoặc bài vị mang tên Ngài trong các văn miếu hay trường học.

2/ Vậy không còn là trái phép (illicite), nhất là khi nhà chức trách truyền lệnh trưng bày hoặc cúi đầu chào hình ảnh hay bài vị mang tên Đức Khổng trong các trường học Công Giáo, nếu sợ gây ra gương mù, thì người Công Giáo nên cẩn thận tuyên bố về lòng ngay thẳng của mình khi làm cử chỉ đó.

3/ Nhân viên và học sinh các trường Công Giáo, nếu có lệnh ban cho họ, thì đừng từ khước dự (assister) các nghi lễ công cộng, mặc dù bên ngoài có thể coi là nhuốm màu dị đoan, miễn là theo đúng giáo luật điều khoản 1258; họ thi hành cách thụ động với ý tưởng duy nhất là để tôn kính theo nghi lễ hoàn toàn dân sự. Để tránh mọi hiểu lầm về cử chỉ của họ, họ sẽ tuyên bố về ý hướng của họ mỗi khi xét là cần.

4/ Phải coi là được phép (licites) và xứng hợp (conven-ables) tất cả những [cử chỉ] cúi đầu và những biểu lộ khác có tính cách tôn trọng dân sự trước những người quá cố hay hình ảnh và bài vị mang tên họ.

Đàng khác, các Đức Hồng y nhận thấy lời thề về nghi điển Trung Hoa do Đức Thánh Cha Bênêđitô XIV truyền dạy trong Hiến chế Ex quo singulari ngày 11/07/1742 cho tất cả các Linh mục trong đế quốc Trung Hoa và các tỉnh lân cận hoặc tiếp giáp (et les provinces proches et limitrophes) không còn hợp với các nguyên tắc hướng dẫn mà Bộ Truyền Giáo mới công bố. Vả lại, ngày nay lời tuyên thệ đó như phương thế kỷ luật, trở nên tuyệt đối dư thừa, bởi vì thực tế các cuộc tranh luận xưa về nghi điển Trung Hoa đã chấm dứt như mọi người biết, và các thừa sai cũng như các Linh mục khác chẳng còn bị bó buộc phải tuyên thệ để vâng phục mau mắn với tình con thảo đối với Tòa Thánh. [Vậy, các Đức Hồng y] quyết định bãi bỏ lời thề đó ở tất cả nơi nào còn thi hành, hoặc ở Trung Hoa, hoặc các nơi khác. Dĩ nhiên, tất cả các chỉ dạy khác của Đức Thánh Cha Bênêđitô XIV vẫn còn giá trị, nếu chưa được thay đổi do các huấn thị mới đây, và đặc biệt là còn cấm tranh tụng về các vấn đề nghi điển Trung Hoa.

Trong cuộc triều yết ngày 07/12/1939, những quyết định của các Hồng y đã được đệ trình lên Đức Thánh Cha Piô XII do Đức Hồng y Bộ trưởng Bộ Truyền Giáo cùng với chữ ký của ngài; Đức Thánh Cha đã chấp thuận hoàn toàn và đã phê chuẩn.

Ban hành tại Thánh Bộ Truyền giáo, Rôma,
Ngày 08/12/1939, ngày lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm.
Hồng y Phêrô Fumasoni Biondi,
Bộ Trưởng Thánh Bộ Truyền giáo
Thư ký Celus Costantini,
Tổng Giám Mục hiệu tòa Theodos.

B. Thông cáo của Hội Đồng Giám mục Việt Nam về việc tôn kính tổ tiên[33]

Ngày 20/10/1964, Tòa Thánh, qua Bộ Truyền Giáo đã chấp thuận đề nghị của Hàng Giám Mục Việt Nam xin áp dụng huấn thị Plane compertum est (08/12/1939), về việc tôn kính tổ tiên cho giáo dân Việt Nam.

Để hiểu rõ tinh thần Giáo Hội trong việc chấp thuận này, và để có những chỉ thị hướng dẫn trong khi áp dụng, Hội đồng Giám mục muốn nêu lên mấy điểm sau đây:

I/ Giáo Hội Công Giáo đối với nền văn hóa và truyền thống các dân tộc.

1/ Giáo Hội Chúa Kitô bao giờ cũng tha thiết thực hiện mệnh lệnh Đấng Sáng Lập, để hiện diện khắp nơi và tuyên giảng Phúc Âm cho mọi người. Cố gắng đầu tiên của Giáo Hội là giúp sao cho con người được nên hình ảnh đích thực của Thiên Chúa và được trung thực với sứ mệnh Kitô hữu của mình, để đạt cứu cánh sau hết là hạnh phúc đời đời. Công trình đó được thực hiện trong nội khảm của mỗi cá nhân. Nhưng nó có vang âm đến toàn diện cuộc đời và trong mỗi khu vực sinh hoạt của con người» (Đức Piô XII, Huấn dụ tại Cơ Mật Viện, ngày 20/02/1946).

2/ Mặt khác, từ nguyên thủy cho đến ngày nay, Giáo Hội Công Giáo vẫn tuân theo tiêu chuẩn Phúc Âm. Theo đó, Giáo Hội không hủy bỏ hay dập tắt những giá trị thiện hảo, liêm chính, chân thành của các dân tộc. Âu cũng vì bản tính nhân loại, dù còn mang dấu vết sự sa ngã của tổ tông, song vẫn giữ trong nội tâm một căn bản tự nhiên mà ánh sáng và ân sủng Thiên Chúa có thể soi chiếu, nuôi dưỡng và nâng lên tới một mức độ đức hạnh, một nếp sống siêu nhiên đích thực. Cũng vì vậy mà Giáo Hội không bao giờ miệt thị, khinh chê tư tưởng cũng như nghệ thuật hoặc văn hóa của người không Công Giáo. Trái lại, Giáo Hội đã từng góp phần thanh luyện hoặc bổ túc để đi đến chỗ hoàn hảo. Trải qua các thế kỷ, Giáo Hội đã thánh hóa những phong tục cũng như những truyền thống chân chính của các dân tộc. Giáo Hội cũng đã nhiều lần đem nghi lễ của miền này xứ nọ sát nhập vào nền phụng vụ của mình, sau khi đã tu chỉnh cả tinh thần và hình thức, để ghi nhớ mầu nhiệm hoặc để tôn kính các bậc thánh nhân hay các vị tử đạo (Đức Piô XII, Thông điệp Evangeli praecones, 02/06/1951; Đức Gioan XXIII trích dẫn tư tưởng này trong Thông điệp Princeps Pastorum, 28/11/1959).

3/ Đối với các tôn giáo khác, Giáo Hội Công Giáo cũng chủ trương một lập trường rõ rệt. Dĩ nhiên Giáo Hội không thể tham dự vào các nghi lễ của các tôn giáo khác, hoặc coi tôn giáo nào cũng như tôn giáo nào, và lãnh đạm để mặc ai muốn hay không muốn tìm xem Thiên Chúa có mạc khải một đạo không sai lầm, trong đó Thiên Chúa được nhận biết, kính mến và phụng thờ. Tuy nhiên, Giáo Hội không từ chối công nhận một cách kính cẩn những giá trị tinh thần và luân lý của các tôn giáo khác (Đức Phaolô VI, thông điệp Ecclesiam suam, 06/08/1964). Giáo Hội không phủ nhận điều gì vốn là chân lý và thánh thiện của bất cứ tôn giáo nào. Giáo Hội luôn luôn rao truyền Đức Kitô là «đường đi, là chân lý và là nguồn sống» và, trong Đức Kitô, Thiên Chúa làm hòa với muôn vật.

Tuy nhiên Giáo Hội thành tâm và lưu ý cứu xét những hành động và sinh hoạt, những luật pháp và lý thuyết của các tôn giáo khác tuy có sai biệt với những điểm Giáo Hội đề ra, song vẫn mang lại một tia sáng nào đó của chính cái chân lý hằng soi sáng mọi người. Vì thế, Giáo Hội khuyên giục con cái mình tuy vẫn phải giữ đức tin Công Giáo tuyền vẹn, nhưng phải làm thế nào để nắm giữ và phát triển những của cải thiêng liêng, luân lý và những giá trị xã hội, văn hóa, gặp được trong các tôn giáo khác nhờ những buổi hội thảo, sự học hỏi và sự cộng tác với các tín đồ của các tôn giáo này (Công đồng Vatican II, khóa III: Giáo Hội và các tôn giáo ngoài Kitô giáo, ngày 20/11/1964).

Chính lập trường đó của Giáo Hội được đúc kết trong tư tưởng của các Đức Giáo Hoàng và trong đệ nhị Công đồng Vatican, đã giải thích lý do của quyết định Tòa Thánh, khi cho áp dụng huấn

[33] Ban hành tại Đà Lạt, ngày 14/06/1965. Cf. Sacerdos-Linh mục Nguyệt San, tháng 7-1965, trang 489-492; HĐGMVN, Ủy Ban Giáo Lý Đức Tin, *Giáo lý Hôn nhân và Gia đình,* Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội, 2004, trg. 205-209.

thị Plane compertum est tại Việt Nam ngày nay. Và cũng chiếu theo tinh thần đó, các Giám mục hội nghị tại Đà Lạt trong những ngày 12,14/06/1965 đã cho công bố thông cáo này.

II/ Thể thức áp dụng Huấn thị Plane compertum est.

1/ Nhiều hành vi cử chỉ xưa kia tại Việt Nam, có tính cách tôn giáo, nhưng nay vì sự tiếp xúc với bên ngoài và vì tâm tình, tập quán đã thay đổi nhiều, nên chỉ còn là những phương cách biểu lộ lòng hiếu thảo tôn kính đối với tổ tiên và các bậc anh hùng liệt sĩ. Những cử chỉ, thái độ, nghi lễ có tính cách thế tục, lịch sự và xã giao đó, Giáo Hội Công Giáo chẳng những không ngăn cấm mà còn mong muốn và khuyến khích cho nó được diễn tả bằng những cử chỉ riêng biệt của mỗi nước, mỗi xứ và tùy theo trường hợp.

Vì thế, những cử chỉ, thái độ và nghi lễ tự nó hoặc do hoàn cảnh, có một ý nghĩa thế tục rõ ràng là để tỏ tinh thần ái quốc, lòng hiếu thảo, tôn kính hoặc tưởng niệm tổ tiên và các bậc anh hùng liệt sĩ (như treo ảnh, hình, dựng tượng, nghiêng mình bái kính, trưng hoa đèn, tổ chức ngày kỵ giỗ…) thì được thi hành và tham dự cách chủ động.

2/ Trái lại, vì có nhiệm vụ bảo vệ đức tin Công Giáo được tinh tuyền, Giáo Hội không thể chấp nhận cho người giáo hữu có những hành vi cử chỉ, hoặc tự nó, hoặc do hoàn cảnh có tính các tôn giáo trái với giáo lý mình dạy.

Vì thế, các việc làm có tính cách tôn giáo không phù hợp với giáo lý Công Giáo (như bất cứ lễ nghi nào biểu lộ lòng phục tùng và sự lệ thuộc của mình đối với một thụ tạo nào như là đối với Thiên Chúa), hay những việc dị đoan rõ rệt (như đốt vàng mã), hoặc cử hành ở những nơi dành riêng cho việc tế tự… thì giáo hữu không được thi hành và tham dự. Trong trường hợp bất đắc dĩ, chỉ được hiện diện một cách thụ động như đã ấn định trong giáo luật, khoản 1258, BGL/17[34]*.*

3/ Đối với những việc mà không rõ là thế tục hay tôn giáo, thì phải dựa theo nguyên tắc này, là nếu những hành vi đó, theo dư luận dân chúng địa phương không coi như sự tuyên xưng tín ngưỡng của một tôn giáo (ngoài Kitô giáo), mà chỉ biểu lộ một tâm tình tự nhiên, thì được coi như không trái với đức tin Công Giáo, nên được thi hành và tham dự. Trong trường hợp chưa hết nghi nan, thì có thể hành động theo tiếng lương tâm lúc ấy: nếu cần, thì phải giải thích chủ ý của mình một cách khéo léo hợp cảnh, hợp thời. Sự tham dự cũng chỉ được có tính cách thụ động.

Đó là những nguyên tắc chung, giáo hữu cần phải dựa vào mà xét đoán theo lương tâm và hoàn cảnh. Trong trường hợp hồ nghi, mọi người liên hệ không được theo ý riêng mình, mà sẽ phán đoán theo chỉ thị của Tòa Thánh và bàn hỏi với các giáo sĩ thành thạo.

Yêu cầu quý cha phổ biến rộng rãi và giải thích tường tận thông cáo này không những trong các nhà thờ mà cả mỗi khi có dịp, không những cho anh em giáo hữu mà cả cho người ngoài Công Giáo. Các vị phụ trách Công Giáo Tiến Hành cũng phải lấy thông cáo này làm đề tài học tập cho các hội đoàn trong các buổi họp và các khóa huấn luyện.

Làm tại Đà Lạt, ngày 14 tháng 6 năm 1965.

---

[34] BGL/17, đ.1258*: « §1. Haud licitum est fidelibus quovis modo active assistere seu partem habere in sacris acatholicorum (Người tín hữu không được phép tham dự cách chủ động bằng bất cứ cách nào, hoặc tham dự một phần trong các nghi thức của người không Công giáo).*
§2. *Tolerari potest praesentia passiva seu mere materialis, civilis officii vel honoris causa, ob gravem rationem ab Episcopo in casu dubii probandam, in acatholicorum funeribus, nuptiis similibusque sollemniis, dummodo perversionis et scandali periculum absit* (*Có thể chước chuẩn cho người tín hữu hiện diện cách thụ động, hay chỉ có tính cách bề ngoài vì trách nhiệm dân sự hoặc vì danh tiếng, bởi có lý do quan trọng, trường hợp nghi ngờ đã được Giám mục xác nhận. Trong các lễ an táng người không Công giáo, các đám cưới và những cuộc lễ long trọng tương tự, miễn là không có nguy hiểm làm gương mù và sinh lợi".*

C. Quyết nghị của HĐGM Việt Nam về lễ nghi tôn kính ông bà tổ tiên[35]

Chúng tôi, các Giám mục chủ tọa khóa hội thảo VII về Truyền Bá Phúc Âm toàn quốc, tại Nha Trang ngày 12-14/11/1974, đồng thời chấp thuận cho phổ biến việc thi hành trong toàn quốc, những quyết nghị của Ủy Ban Giám mục về Truyền Bá Phúc Âm ngày 14/06/1965, về các lễ nghi tôn kính Ông Bà Tổ Tiên, như sau:

Để đồng bào lương dân dễ dàng chấp nhận Tin Mừng, hội nghị nhận định: Những cử chỉ thái độ, lễ nghi (sau này) có tính cách thế tục lịch sự xã giao để tỏ lòng hiếu thảo, tôn kính và tưởng niệm các Tổ Tiên và các bậc anh hùng liệt sĩ, nên được thi hành và tham dự cách chủ động» (Thông cáo Hội Đồng Giám mục Việt Nam 14/06/1965).

1/ Bàn thờ gia tiên để kính nhớ Ông Bà Tổ Tiên được đặt dưới bàn thờ Chúa trong gia đình, miễn là trên bàn thờ không bày biện điều gì mê tín dị đoan, như hồn bạch.

2/ Việc đốt nhang hương, đèn nến trên bàn thờ gia tiên và vái lạy trước bàn thờ, giường thờ Tổ Tiên, là những cử chỉ thái độ hiếu thảo tôn kính, được phép làm.

3/ Ngày giỗ cũng là ngày «kỵ nhật» được «cúng giỗ» trong gia đình theo phong tục địa phương miễn là loại bỏ những gì là dị đoan mê tín, như đốt vàng mã, và giảm thiểu cùng canh cải những lễ vật biểu dương đúng ý nghĩa thành kính biết ơn Ông Bà, như dâng hoa trái, hương đèn.

4/ Trong hôn lễ, dâu rể được làm «Lễ Tổ, Lễ Gia Tiên» trước bàn thờ, giường thờ Tổ Tiên, vì đó là nghi lễ tỏ lòng biết ơn, hiếu kính trình diện với Ông Bà.

5/ Trong tang lễ được vái lạy trước thi hài người quá cố, đốt hương vái theo phong tục địa phương để tỏ lòng cung kính người đã khuất cũng như Giáo Hội cho đốt nến, xông hương nghiêng mình trước thi hài người quá cố.

6/ Được tham dự nghi lễ tôn kính vị thành hoàng quen gọi là phúc thần tại đình làng, để tỏ lòng cung kính biết ơn những vị mà theo lịch sử đã có công với dân tộc hoặc là ân nhân của dân làng, chứ không phải là mê tín như đối với các «yêu thần, tà thần».

Trong trường hợp thi hành các việc trên đây sợ có sự hiểu lầm nên khéo léo giải thích qua những lời phân ưu khích lệ, thông cảm… Đối với giáo dân, cần phải giải thích cho hiểu việc tôn kính Tổ Tiên và các vị anh hùng liệt sĩ theo phong tục địa phương, là một nghĩa vụ hiếu thảo của đạo làm con cháu, chứ không phải là những việc tôn kính liên quan đến tín ngưỡng, vì chính Chúa cũng truyền phải «thảo kính cha mẹ», đó là giới răn sau việc thờ phượng Thiên Chúa.

Tại Nha Trang, ngày 14/11/1974
Ký tên:
- *Philiphê Nguyễn Kim Điền, TGM Huế*
- *Giuse Trần Văn Thiện, GM Mỹ Tho*
- *Giacôbê Nguyễn Ngọc Quang, GM Cần Thơ*
- *Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, GM Nha Trang*
- *Phêrô Nguyễn Huy Mai, GM Ban Mê Thuột*
- *Phaolô Huỳnh Đông Các, GM Qui Nhơn*

III. Giáo Hội Việt Nam hướng đến nghi lễ tổ tiên

Một khi đạo Công giáo có mặt tại Việt Nam, các Kitô hữu nỗ lực để đóng góp vào đời sống xã hội, đặc biệt trong những lãnh vực như sức khỏe, những hoạt động xã hội, giáo dục, văn hóa, để làm làm phong phú thêm cách sống của dân tộc. Tuy nhiên, suốt thời gian từ thế kỷ XVII và XVIII, vấn đề «tranh cãi các nghi lễ» dẫn đến cuộc xung đột trong Giáo Hội, nó

[35] Ban hành tại Nha Trang ngày 14/11/1974.

trải dài ra với các tín hữu và tạo nên những chia rẽ giữa lòng cộng đồng Kitô hữu tại Cực-Đông: Nên hay không nên thực thành thờ kính tổ tiên ông bà? Hơn nữa, từ điểm nhìn giáo luật và lịch sử, sự việc này được kết thúc bằng Huấn thị *Plane compertum est,* được ban hành với sự phê chuẩn của Tòa Thánh qua Bộ Truyền Bá Đức Tin, ngày 08/12/1939.

A. Những khó khăn khi thực hành nghi lễ thờ kính ông bà tổ tiên trong Giáo Hội từ thế kỷ XVII đến XVIII

Vào thế kỷ thứ XVII, vấn đề «tranh cãi các nghi lễ» chia rẽ các nhà truyền giáo tại Cực Đông và Ấn Độ[36]. Ba vấn đề chính yếu được đặt ra liên quan tại Cực Đông: Tên gọi Thiên Chúa trong ngôn ngữ bản địa, việc thích nghi các nghi lễ Kitô giáo, chẳng hạn phép Rửa hoặc Giáo luật về hôn nhân, và chấp nhận hay chối bỏ những nghi lễ truyền thống như thờ kính ông bà tổ tiên. Quả thật, vấn đề «tranh cãi nghi lễ» dẫn đến những ý kiến trái chiều nơi các nhà thừa sai. Trong khi các Cha Dòng Tên dễ dàng du nhập theo đế chế nhà vua, thích nghi dễ dàng, các nhà truyền giáo khác nhìn thấy nơi các nghi lễ này mang tính dị đoan, tôn thờ ngẫu tượng.

Cuộc tranh cãi nghi lễ trở nên khốc liệt với Đức Cha Maigrot, thuộc Hội Thừa Sai Paris và Đại diện Tông Tòa tại Trung Hoa. Đến Cực Đông năm 1681, ngài dùng thời giờ để nghiên cứu lâu dài những dữ liệu về vấn đề nghi lễ tại Cực Đông. Trong năm 1693, ngài cấm các tín hữu dùng những từ vựng của các Cha Dòng Tên, cũng như việc thờ kính tổ tiên và thờ kính Khổng Tử. Ngài công bố một lá thư mục vụ, trong đó ngài kết án và nghiêm ngặt cấm những nghi lễ Trung Hoa và dịch ra tiếng Trung Hoa những khái niệm Thần học Kitô giáo. Ngài từ chối công nhận ý nghĩa mà các Cha Dòng Tên giải thích các nghi lễ và cho phép dùng nghi lễ này. Bản văn đã được gửi sang Rôma để nghiên cứu quyết định vấn đề. Tiếp theo, Tòa Thánh Rôma đã chấp nhận quan điểm của Đức Cha Maigrot: «*Thánh Bộ Tòa Thánh đã quyết định không thể chấp nhận những câu trả lời của các Cha Dòng Tên đối với vấn đề tại Trung Hoa, không chấp nhận lời tuyên bố của Vua Khang Hy, nhưng khẳng định Thư luân lưu của Đức Cha Maigrot, Đức Giáo Hoàng Clément XI đã phê chuẩn quyết định này bằng Sắc lệnh ghi ngày 20/11/1704*»[37].

Vào năm 1704, Đức Giáo Hoàng Clément XI (1700-1721) đã kết án những nghi lễ Trung Hoa và vào năm 1706, những nghi lễ Malabar (Canđê) tại Ấn Độ, nghĩa là những «thích nghi» của các Cha Dòng Tên. Sắc lệnh ngày 20/11/1704 bao gồm bảy điểm liên quan đến thực hành nghi lễ. Tòa Thánh, khi quyết định cách dùng từ ngữ, cấm sử dụng từ T'ien (=Trời) để kêu tên Chúa và cấm các Kitô hữu tham dự vào tất cả những nghi lễ Khổng Tử và thờ kính ông bà tổ tiên, long trọng hay không, cử hành trong đền thờ hay trong các phòng họp[38], cũng như thực hành nhiều tập tục hoặc nghi thức truyền thống, đặc biệt những nghi lễ hướng về tổ tiên và người quá cố, những cử hành này không hoàn toàn là mê tín hoặc nghi lễ tôn giáo, nhưng đây là những cử hành thuần túy thuộc bên đời.

Những nghi lễ này một lần nữa bị kết án bằng Sắc lệnh *Ex illa die*[39], ngày 19/03/1715, và *Ex quo singulari*[40], ngày 11/07/1742. Quả thật, ngày 19/03/1715, tại Rôma, Đức Giáo Hoàng Clément XI kết án nghi lễ Trung Hoa truyền thống với lý do là không phù hợp với đức

[36] Cf. E. JARRY, «La querelle des rites», in *Histoire universelle des missions catholiques,* Paris, Grund, 1957, Tome II, p.337-352. Pour l'Extrême-Orient, les rites chinois, et, pour l'Inde, les rites malabars.
[37] René ETIEMBLE, *Les Jésuites en Chine,* Paris, René Julliard, 1966, p.109.
[38] Cf. *La Documentation Catholique,* n°909, tome 41, 1940, col.109.
[39] Le texte fût repris par René ETIEMBLE, *op.cit.,* p.137-138.
[40] Cf. *La Documentation Catholique,* n°909, tome 41, 1940, col.169.

tin Kitô giáo. Trong khi ban hành sắc lệnh này, Đức Giáo Hoàng bảo vệ các Kitô hữu cách tuyệt đối không tham dự vào nghi lễ truyền thống trước bàn thờ ông bà tổ tiên, bởi vì những bàn thờ này không tách rời khỏi sự mê tín dị đoan. Các Kitô hữu chỉ được phép cất giữ tại gia đình họ những bàn thờ tổ tiên này với điều kiện là chỉ ghi tên những người quá cố.

Bực tức vì quyết định này, Hoàng đế Khang Hy cấm truyền đạo trong vương quốc của mình bằng chỉ dụ ngày 17/05/1717. Vì không biết thực tại Trung Hoa, sắc lệnh Tòa Thánh tạo nên một sự nguy hại trong thế kỷ truyền giáo tại Trung Hoa do các nhà Dòng Tên. Nó khởi đầu cho một cuộc hiểu lầm giữa phương Tây và Đế chế Trung Hoa.

Về phần mình, Đức Giáo Hoàng Clément XII (1730-1740) đã ra lệnh nghiên cứu lại tất cả vấn đề cho đến năm 1742. Đức Giáo Hoàng Benoît XIV (1740-1758) tiếp tục công việc nghiên cứu vấn đề này. Hội nghị Hồng y nghiên cứu hồ sơ về nghi lễ Trung Hoa và xem xét lại tất cả những sắc lệnh trước đây. Sau đó, Đức Giáo Hoàng Benoît XIV ra quyết định chính thức trong sắc lệnh của mình *Ex quo singulari,* vào năm 1742. Đức Giáo Hoàng phê chuẩn và tái lập Hiến chế *Ex illa die* của ĐGH Clément XI[41] về những nghi lễ Trung Hoa, đồng thời Ngài trình bày cho tất cả các nhà truyền giáo tại Trung Hoa và các vương quốc hoặc các quốc gia lân cận một bài huấn dụ mới về quy định của Tòa Thánh liên quan đến những vấn đề trước đây. Với Sắc lệnh này, Ngài kết thúc vấn đề nghi lễ, trong hai thế kỷ: «*Sắc lệnh xác định những kỷ luật phải gánh chịu do bất tuân phục và đòi hỏi các nhà truyền giáo giữ một lời tuyên thệ dứt khoát. Lấy lại công thức của Thánh Augustin, Đức Giáo Hoàng công bố khi nói về các nghi lễ: «Non sunt mala quia prohibita, sed probihita quia mala»: Không phải xấu bởi vì bị cấm, nhưng bị cấm bởi vì điều xấu* [42].

Tuy nhiên, vấn đề quan hệ và nghi lễ đã không được kỷ luật lâu dài. Thời gian và sự tiến triển những nguyên tắc bắt buộc chuẩn bị con đường mở ra cách giải quyết mới, hai thế kỷ sau, trong Huấn thị năm 1939, *Plane compertum est.*

B. Việc áp dụng Huấn thị *Plane compertum est*

Nhiều năm trước khi ban hành Huấn thị *Plane compertum est,* Thánh Bộ Truyền Giáo, chiếu theo Giáo luật 1917, điều 22, đã gửi thư đến Đấng Bản Quyền Mãn Châu[43] và Nhật Bản những nguyên tắc mới phù hợp hoàn cảnh cụ thể hơn. Đây là câu trả lời cho *Nghị quyết của Hội đồng Bản quyền Địa phương*[44] và *lá thư của Đức Cha Gaspais gửi cho Hồng y Bộ trưởng Bộ Truyền Giáo*[45]*,* và *Huấn thị gửi cho Đức Cha Phaolô Marella, Tổng Giám mục của Doclea, Đại diện Tông tòa tại Nhật Bản, về bổn phận của người Công giáo đối với quê hương*[46].

Theo sau lời công bố chính thức của nhà nước Mãn Châu, Tòa Thánh gỡ bỏ những lệnh cấm mà Tòa Thánh đã công bố trong quá khứ. Ngày 28/05/1936, Bộ Truyền Giáo cho phép người Công giáo Mãn Châu thờ kính Khổng Tử. Tại Nhật Bản, Thánh Bộ đã cho phép

[41] Cf. René ETIEMBLE, *op.cit.,* p.139; Cf. *La Documentation Catholique,* n°909, tome 41, 1940, col.169.
[42] E.JARRY, «La querelle des rites», in *Histoire universelle des missions catholiques,* Paris, Grund, 1957, Tome II, p.350.
[43] Cf. Mandchourie
[44] *Délibération de la Conférence des Ordinaires (Hsinking, 12/03/1935),* cf. «Documents concernant la Mandchourie», in *La Documentation catholique,* n°909, tome 41, 1940, col.175-179.
[45] *Lettre de Mgr. Gaspais au cardinal préfet de la Propagande (25/03/1935),* cf. «Documents concernant la Mandchourie», in *La Documentation catholique,* n°909, tome 41, 1940, col.175-179.
[46] «Documents concernant la Mandchourie», in *La Documentation catholique,* n°909, tome 41, 1940, col.179-180.

ngày 26/05/1936, những cử hành chính thức dành cho việc tôn kính Hoàng đế và các Anh hùng dân tộc.

Vấn đề cử hành chính thức tôn kính đã được giải quyết dứt điểm nhờ Bộ Truyền Giáo trong Huấn thị *Plane compertum est,* ngày 08/12/1939, được Đức Giáo Hoàng Piô XII phê chuẩn. Huấn thị này được áp dụng không chỉ cho Trung Hoa, mà còn cho các nước lân cận, trong đó có Việt Nam. Huấn thị này diễn tả như sau: «*Xét rằng, nhiều lần chính phủ Trung Hoa đã tuyên bố cách minh nhiên là để mỗi người được tự do lựa chọn tôn giáo, và chính phủ cũng chẳng cần đặt ra những đạo luật và chỉ dụ về vấn đề tôn giáo, và bởi thế, các nghi lễ do nhà cầm quyền thi hành để kính Đức Khổng Tử, không có mục đích tế tự tôn giáo (culte religieux), nhưng chỉ là để tôn kính một nhân vật cao quý theo cách tôn trọng phải làm như tập tục tiền nhân, nên người Công Giáo được phép (il est licite) tham dự các nghi lễ kính Đức Khổng, trước hình ảnh hoặc bài vị mang tên Ngài trong các văn miếu hay trường học*»[47].

Giải quyết vấn đề nghi lễ do Giáo Hội đề nghị chỉ rõ rằng nếu việc giải quyết này là để gìn giữ đức tin tinh tuyền và hiệp nhất các Kitô hữu, nó không đòi hỏi sự thống nhất của mọi dân tộc, từ đó, Giáo Hội tôn trọng nền văn hóa và truyền thống của mọi dân tộc, bởi vì những phong tục và những tập quán luôn luôn được xem xét với lòng khoan dung và, khi có thể, được bảo vệ và được động viên. Đức Hồng y Pierre Fumasoni Biondi viết rằng: «*Từ bây giờ, chúng ta có thể khẳng định chắc chắn rằng chúng ta cử hành các nghi lễ mang tính nhân văn và thế tục, để tôn trọng những truyền thống quê hương, bày tỏ lòng ái quốc đối với quốc gia, lòng hiếu thảo hướng về các bậc tổ tiên*»[48].

Mặt khác, Huấn thị khẳng định rằng «*phải coi là được phép (licites) và xứng hợp (convenables) tất cả những [cử chỉ] cúi đầu và những biểu lộ khác có tính cách tôn trọng dân sự trước những người quá cố hay hình ảnh và bài vị mang tên họ*»[49]. Hơn nữa, mục đích của Huấn thị *Plane compertum est* là phổ cập những quy định mới trước đây cho tất cả mọi nền văn hóa bị Hán hóa phù hợp với Mãn Châu và Nhật Bản. Tuy nhiên, dữ liệu duy nhất trực tiếp đến BGL/17, điều 22, xác định những tương quan giữa luật trước và luật sau. Cũng thế, Huấn thị còn gợi lại sự phân chia giữa nghi lễ thuần túy thế tục và những nghi lễ mang tính tôn giáo. Đức Hồng y Pierre Fumasoni Biondi thêm rằng: «*Huấn thị gợi lại và tóm lược những luật tổng quát về luân lý, những người Công giáo có thể làm những điều giống như những công dân khác làm. Tất nhiên, điều đó có giá trị đặc biệt nếu có một thẩm quyền dân sự: mỗi lần năng quyền pháp luật không đòi hỏi những điều trái với giới răn của Chúa, vâng lời là một bổn phận về ý thức đối với người Công giáo*»[50].

Tắt một lời, Huấn thị *Plane compertum est* được áp dụng không chỉ tại Trung Hoa, mà còn trong tất cả các nước, ở đó việc giải quết vấn đề được Đức Giáo Hoàng Clément XI và Benoît XIV đưa vào, trong đó có Việt Nam. Những nguyên tắc của Tòa Thánh đã xóa đi những nghi ngờ cấm đoán trong số đông người Việt Nam về bổn phận hiếu thảo với ông bà tổ tiên của mình khi họ trở lại đạo Công giáo cho đến ngày nay. Những quy định của Tòa Thánh cũng xua tan những võ đoán, theo đó, các Kitô hữu công nhận cơ chế tốt việc thờ kính ông bà

[47] Cf. *Siège Apostolique et les missions, Textes et documents pontificaux II*, Pie XII, 1939 à 1954, Paris/Lyon, Union Missionnaire du Clergé, 1959, n°1, p.153-154; Bản dịch của Linh mục Giuse Đỗ Quang Chính, S.J.

[48] Pierre FUMASONI BIONDI, «Document concernant la Chine et autres régions», in *La Documentation Catholique,* n°909, tome 41, 1940, col.184.

[49] Cf. *Siège Apostolique et les missions, Textes et documents pontificaux II*, Pie XII, 1939 à 1954, Paris/Lyon, Union Missionnaire du Clergé, 1959, n°1, p.154; Bản dịch của Linh mục Giuse Đỗ Quang Chính, S.J.

[50] Pierre FUMASONI BIONDI, «Document concernant la Chine et autres régions», in *La Documentation Catholique,* n°909, tome 41, 1940, col.184.

tổ tiên, việc làm tạo nền móng cho cấu trúc xã hội Cực Đông. Những người Công Giáo Việt Nam đã chờ đợi một lời phán quyết từ phía các Giám mục của mình để cũng cố việc thực hành thờ kính ông bà tổ tiên.

C. Đôi hôn phối cử hành nghi lễ gia tiên

Những quy định của Tòa Thánh trong Huấn thị *Plane compertum est* (08/12/1939) có giá trị không chỉ những nghi lễ tại Trung Hoa, mà còn tại Việt Nam, nơi đó hơn hai mươi năm các Giám mục đệ trình Tòa Thánh cho phép áp dụng trên đất nước của mình. Bởi vậy, chỉ dẫn của Hội đồng Giám mục Việt Nam, đề ngày 14/06/1965 liên quan đặc biệt đến việc tôn kính ông bà tổ tiên được thực hành trong môi trường gia đình.

Quả thật, vào năm 1939, phù hợp với tinh thần của Huấn thị *Plane compertum est*, Đức Giáo Hoàng Piô XII cho phép những người Công Giáo tại Cực - Đông thực hành việc thờ kính ông bà tổ tiên. Thẩm quyền này được tất cả mọi tín hữu tại Việt Nam đồng thuận. Nhưng vì lý do thời cuộc, thực hành này sau này mới được áp dụng.

Điều đó khẳng định rằng Huấn thị *Plane compertum est* đã được áp dụng trễ hơn vì hoàn cảnh lịch sử. Tuy nhiên, việc áp dụng Huấn thị tại Việt Nam chỉ được đệ trình và được chấp thuận nhờ Hội Đồng Giám mục Miền Nam Việt Nam vào năm 1964. Thật vậy, vào ngày 20/10/1964, Tòa Thánh, qua Bộ Rao Giảng Tin Mừng cho các dân tộc, chấp nhận những đệ trình của các Giám mục Việt Nam xin áp dụng Huấn thị *Plane compertum est* cho toàn thể người Công Giáo Việt Nam.

Hội đồng Giám mục Việt Nam nhấn mạnh đến ba điều[51] hướng dẫn áp dụng Huấn thị cho người Công Giáo Việt Nam. Giáo Hội Công Giáo, hướng đến nền văn hóa và truyền thống, muốn giúp đỡ các tín hữu trở nên hình ảnh sống động của Chúa và trung thành với sứ vụ Kitô hữu để đạt được hạnh phúc vĩnh cửu. Từ khi thành lập cho đến ngày nay, luôn sống theo giáo huấn của Tin Mừng, Giáo Hội không bao giờ đánh mất những giá trị xác thực và tôn trọng phẩm giá những quốc gia khác nhau. Tuy nhiên, Giáo Hội thánh hóa những phong tục và những truyền thống tốt đẹp của mọi dân tộc. Liên quan đến các tôn giáo khác, Giáo Hội không từ chối đón nhận trong tinh thần tôn trọng những giá trị thiêng liêng và luân lý của các tôn giáo khác và không ngừng giảng dạy rằng, trong Đức Kitô, Thiên Chúa hòa giải tạo vật với Ngài.

Giáo huấn của Công Đồng Vatican II về chủ đề này rõ ràng, nhưng Huấn thị *Plane compertum est* (08/12/1939) đánh dấu điểm nhìn truyền thống, ngập ngừng giữa cho phép những tập tục bên ngoài, một trật đưa ra những động viên thực hành đóng góp tích cực vào đời sống Kitô hữu. Hơn nữa, từ điểm nhìn Giáo luật, yếu tố quyết định cho phép thực hành nghi lễ thờ kính tổ tiên trên mãnh đất này đưa ra những suy nghĩ mới và những định hướng mới phải được nghiên cứu trong những quyết định của Công Đồng Vatican II, ngõ hầu làm sao để phù hợp với đời sống của Giáo Hội và hoàn cảnh địa phương, đặc biệt là những miền truyền giáo. Hướng đến những vấn đề này, Công Đồng Vatican II đưa ra một viễn cảnh này:

> «*Để đạt tới kết quả đó, tại mỗi địa hạt văn hóa-xã hội, như vẫn thường gọi, cần thúc đẩy việc suy tư thần học […]. Như thế sẽ giúp nhận thấy rõ ràng hơn những lối đi mở đường cho đức tin có thể tìm gặp lý trí, sau khi đã tiếp thu nền triết lý hay lẽ khôn ngoan của các dân tộc, đồng thời cũng tìm ra những phương thức để các phong tục, quan điểm sống và trật tự xã hội có thể hòa hợp với những chuẩn mực đời sống do Chúa mặc khải. Từ đó sẽ mở ra những con đường để thích nghi sâu xa hơn nữa trong mọi lãnh vực của đời sống*

[51] Cf. *Thông Cáo của Hội Đồng Giám mục Việt Nam về việc tôn kính tổ tiên* (14/10/1965).

Kitô hữu. Nhờ nguyên tắc hành động đó, những hình thức chủ nghĩa hòa đồng và chủ nghĩa duy cá thể sai lạc sẽ bị loại trừ, đời sống Kitô hữu sẽ được thích nghi với tinh hoa và đặc tính của từng nền văn hóa, đồng thời những truyền thống đặc thù và những phẩm cách cá biệt của mỗi gia đình dân tộc, sau khi đã được ánh sáng Tin Mừng chiếu soi, sẽ được tiếp nhận trong sự hiệp nhất mang tính công giáo của Giáo Hội […]. Vì thế, điều mong ước và cũng rất thích hợp, là những Hội đồng Giám mục ở các địa hạt văn hóa – xã hội luôn liên kết với nhau, để có thể đồng tâm hợp ý thực hiện lâu dài công cuộc thích nghi đó»[52].

Tuy nhiên, lý do kéo dài thời gian bất thường giữa quyết định và áp dụng là nghiên cứu trải nghiệm Giáo Hội Việt Nam, được ghi nhận qua những thế kỷ vâng phục những quy định luật trước, giữa những bắt bớ và những bội giáo, đặc biệt qua việc cố chấp giữ những nghi thức truyền thống. Nắm bắt được lập trường của Giáo Hội được thực hiện qua những triều đại Giáo Hoàng và Công Đồng Vatican II mở ra tầm hiểu biết lý do quyết định của Tòa Thánh cho phép áp dụng Huấn thị. Bởi vậy, qua Hội nghị tại Đà Lạt, ngày 12-14/06/1965, Hội đồng Giám mục Việt Nam đã công bố *Những chỉ dẫn áp dụng Huấn thị Plane compertum est* như sau:

«*Nhiều hành vi cử chỉ xưa kia tại Việt Nam, có tính cách tôn giáo, nhưng nay vì sự tiếp xúc với bên ngoài và vì tâm tình, tập quán đã thay đổi nhiều, nên chỉ còn là những phương cách biểu lộ lòng hiếu thảo tôn kính đối với tổ tiên và các bậc anh hùng liệt sĩ. Những cử chỉ, thái độ, nghi lễ có tích cách thế tục, lịch sự và xã giao đó, Giáo Hội Công Giáo chẳng những không ngăn cấm mà còn mong muốn và khuyến khích cho nó được diễn tả bằng những cử chỉ riêng biệt của mỗi nước, mỗi xứ và tùy theo trường hợp*»[53].

Mặc khác, những chỉ dẫn gợi lại cho các tín hữu rằng những gì liên quan đến đức tin, không buộc phải tham gia những hành vi có tích cách tôn giáo không phù hợp với đức tin Công giáo. Trong trường hợp trái ngược đức tin, các tín hữu hiện diện một cách bị động như được quy định trong điều 1258 của BGL/1917. Thật vậy, trong điều luật 1258, BGL/1917, có sự phân chia rõ ràng và tận căn trái ngược giữa, một bên là thờ tự của Kitô hữu Công Giáo và một bên là những hình thức thờ tự khác. Trong hai lãnh vực này, không cùng nguyên tắc, không dung hợp, không lẫn lộn. Chỉ có một điều lo lắng mục vụ xảy ra khi giảm thiểu nguyên tắc này qua việc cho phép, nhưng khi cho phép, phải phụ thuộc vào những hoàn cảnh riêng biệt. Cuối cùng, các Giám mục Việt Nam diễn giải trong chỉ dẫn rằng:

«*Đối với những việc mà không rõ là thế tục hay tôn giáo, thì phải dựa theo nguyên tắc này, là nếu những hành vi đó, theo dư luận dân chúng địa phương không coi như sự tuyên xưng tín ngưỡng của một tôn giáo (ngoài Kitô giáo), mà chỉ biểu lộ một tâm tình tự nhiên, thì được coi như không trái với đức tin Công Giáo, nên được thi hành và tham dự. Trong trường hợp chưa hết nghi nan, thì có thể hành động theo tiến lương tâm lúc ấy: nếu cần, thì phải giải thích chủ ý của mình một cách khéo léo, hợp cảnh, hợp thời. Sự tham dự cũng chỉ được có tính cách thụ động*»[54].

Giáo Hội Việt Nam đã nghiên cứu phạm vi những định hướng mới về mặt truyền giáo. Từ khi một hội nghị quốc tế về đề tài rao giảng Tin Mừng, ngày 14/11/1974, Hội đồng Giám mục đã ra thông cáo[55] hướng dẫn rõ ràng việc tôn kính ông bà tổ tiên. Bản văn này cho phép

[52] Công Đồng Vatican II, *Ad gentes,* số 22.
[53] HĐGMVN, *Thông Cáo của Hội đồng Giám mục Việt Nam về việc tôn kính tổ tiên,* ban hành tại Đà Lạt, 14/06/1965.
[54] HĐGMVN, *Thông Cáo của Hội đồng Giám mục Việt Nam về việc tôn kính tổ tiên,* ban hành tại Đà Lạt, 14/06/1965.
[55] HĐGMMNVN, *Quyết định của HĐGM Miền Nam Việt Nam về lễ nghi tôn kính ông bà tổ tiên,* ban hành tại Nha Trang, ngày 14/11/1974; Cf. Conférence épiscopale du Vietnam, "*Déclaration des évêques du Vietnam sur les rites de veneration des ancêtres*", dans *Linh Muc (Sacerdos),* n°156, p.879-880.

các tín hữu, lần đầu tiên kể từ thế kỷ thứ XVI, thực hành nghi lễ, theo nguyên tắc để tránh những hành vi mê tín dị đoan. Hơn nữa, Hội đồng Giám mục còn khẳng định việc chuyển biến vấn đề thờ kính ông bà tổ tiên đến một viễn cảnh mở rộng truyền giáo, ở đó, những tác nhân từ bây giờ chính là những Kitô hữu Việt Nam. Đặc biệt, số 4 của thông cáo nêu lên rằng trong khi cử hành hôn lễ tại gia đình theo truyền thống gia đình Việt Nam, đôi hôn phối có thể hoàn thành nghi lễ gia tiên, miễn là việc cử hành này diễn tả lòng biết ơn sâu xa và hiếu thảo đối với ông bà tổ tiên, những người đang hiện diện trước mắt họ.

Những hội nghị khác đã được tổ chức tại Huế liên quan đến việc thờ kính ông bà tổ tiên. Một đề tài của một trong những hội nghị là: «Tọa đàm về đạo hiếu». Hội nghi được Tòa Tổng Giám mục Huế tổ chức với sự tham gia của đông đảo các nhà nghiên cứu Công Giáo cũng như không Công Giáo. Một Hội nghị khác về những khía cạnh văn hóa Công Giáo Việt Nam từ nguyên thủy đến thế kỷ thứ XX được tổ thức tại Giáo phận Huế, ngày 24-27/10/2000. Đây là những Hội nghị đề cập đến niềm tin và việc thờ kính ông bà tổ tiên trong quá khứ và hiện tại. Vấn đề không chỉ là niềm tin, nhưng còn là văn hóa tâm linh cho phép lượng giá được như thế nào người Công giáo thực hành việc thờ kính ông bà tổ tiên ở Việt Nam.

Vào năm 2014, dịp kỷ niệm 50 năm giới thiệu những nghi lễ thờ kính ông bà tổ tiên trong phụng vụ Công Giáo, Giáo Hội Công Giáo Việt Nam đã cho phép áp dụng trong đất nước của mình Huấn thị *Plane compertum est* liên quan đến việc thờ kính ông bà tổ tiên. Nên gợi nhớ rằng, trong thời gian nhiều thế kỷ, cuộc tranh luận «nghi lễ Trung Hoa» liên quan đến việc thờ kính ông bà tổ tiên không được giải quyết trong nhiều quốc gia, chẳng hạn, Trung Hoa, Việt Nam, Hàn Quốc và Nhật Bản.

Vào dịp kỷ niệm này, Hội Đồng Giám mục Việt Nam đã gợi lại những chỉ dẫn áp dụng Huấn thị *Plane compertum est*, được Hội đồng Giám mục Việt Nam ban hành vào năm 1964. Một hội nghị về đề tài nay được tổ chức từ ngày 25-26/09/2014 tại Trung Tâm Mục vụ Tổng Giáo phận Sài gòn với sự hiện diện của nhiều Giám mục, Linh mục, giáo dân và các chuyên gia. Các hội nghị viên đã bình luận những khía cạnh khác nhau và sự tiến triển về tinh thần thờ kính ông bà tổ tiên từ khi hạt giống đức tin đến Việt Nam.

Hội đồng Giám mục Việt Nam tiếp tục dấn thân qua việc định hướng về lòng tôn kính ông bà tổ tiên. Thật vậy, sau một thời gian soạn thảo dày công[56], «Văn Bản Hướng Dẫn Việc Tôn Kính Tổ Tiên» đã được hoàn tất. Tại Đại hội của Hội Đồng Giám mục Việt Nam, từ ngày 30/09-04/10/2019 tại Hải Phòng, văn bản này đã được thông qua và cho phép áp dụng thử nghiệm trong thời gian ba năm, kể từ ngày 04/10/2019.

Kết luận

Nhờ các nhà truyền giáo, Giáo Hội Việt Nam đón nhận đức tin hơn bốn thế kỷ tồn tại và phát triển. Những xung đột đã xảy ra trong suốt thời gian dài giữa các nhà truyền giáo, giữa giáo quyền và thế quyền, giữa Tòa Thánh và các Giáo Hội địa phương. Cuộc tranh luận chấm dứt bằng Huấn thị *Plane comportum est* của Đức Giáo Hoàng Piô XII.

Chúng ta có thể khẳng định rằng Huấn thị *Plane compertum est* (1939), *Thông cáo của Hội Đồng Giám mục Việt Nam về việc tôn kính tổ tiên* (1965), và *Quyết định của Hội Đồng Giám mục Miền Nam Việt Nam về lễ nghi tôn kính ông bà tổ tiên* (1974) từ bây giờ cho phép người Công giáo thực hành nghi lễ thờ kính ông bà tổ tiên, đặc biệt đôi hôn phối cử

[56] Cf. Công việc soạn thảo khởi đầu từ năm 2014 – 2019.

hành lễ gia tiên sau khi đã cử hành hôn phối tại nhà thờ và đóng góp cho việc thực hành này một ý nghĩa trong đạo Công giáo.

Với ý nghĩa đó, theo truyền thống, người Việt Nam không tin rằng người chết xa lìa người sống mãi mãi, nhưng vẫn còn hiện diện quanh họ, vì thế họ đặt bàn thờ tổ tiên để thờ kính người đã khuất. Bàn thờ này được đặt những di ảnh người quá cố trong gia đình. Người Việt Nam đặt những nén hương và nến trên bàn thờ, và nhiều hay ít họ trang trí thêm hoa và đèn. Lòng hiếu thảo của người Việt Nam diễn tả rõ nét trong đời sống gia đình. Thờ kính ông bà tổ tiên đóng một vai trò lớn trong hôn nhân, trong hành vi cấu tạo nên gia đình. Hôn nhân, sự kết hợp giữa người nam và người nữ tham dự vào những hành vi chính yếu của thờ tự gia đình. Ông bà tổ tiên đóng một vai trò ưu việt trong những cử hành hôn phối. Nghi thức lễ gia tiên[57] tại gia đình của người Công Giáo khẳng định dây hôn phối của đôi vợ chồng và sự đồng thuận của gia đình hai họ. Lễ gia tiên của đôi hôn phối, theo truyền thống Việt Nam, được quy định phù hợp với những giáo huấn của Hội đồng Giám mục Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. «Documents concernant la Mandchourie», in *La Documentation catholique,* n°909, tome 41, 1940, col.179-180.
2. Charles MAYBON, *Histoire moderne du pays d'Annam,* Paris, Plon-Nourrit et Cie, 1919.
3. Công Đồng Vatican II, *Ad gentes,* số 22.
4. *Délibération de la Conférence des Ordinaires (Hsinking, 12/03/1935),* cf.«Documents concernant la Mandchourie», in *La Documentation catholique,* n°909, tome 41, 1940, col.175-179.
5. ĐGH ALEXANDRE VII (1655-1667), «Instruction à l'usage des vicaires apostoliques en partance pour les royaumes chinois, de Tonkin et de Cochinchine 1659», in *Le Siège Apostolique et les missions, Textes et documents pontificaux,* Paris, Paris/Lyon, Union missionnaire du Clergé, 1959, tome I.
6. ĐGH Alexandre VII, Bef *Super Cathedram Principis Apostolorum,* 9 septembre 1965, dans *Bullarium Patronaotus Portugalliae Regum,* Lisbonne, Visconde DE PAIVA MANSO, 1870, tome II.
7. ETIEMBLE René, *Les Jésuites en Chine,* Paris, René Julliard, 1966.
8. FRONDEVILLE Henri (de), «Pierre Lambert de la Motte, évêque de Béryte (1624-1679)», in *Revue d'histoire des Missions,* n°3, décembre 1924.
9. FUMASONI BIONDI Pierre, «Document concernant la Chine et autres régions», in *La Documentation Catholique,* n°909, tome 41, 1940, col.184.
10. GOYAU Georges, *Les prêtres des Missions Etrangères,* Paris, 1932.
11. GUENNOU Jean, *Mission Etrangères de Paris,* Paris, Fayard, 1984.
12. HĐGMMNVN, *Quyết định của HĐGM Miền Nam Việt Nam về lễ nghi tôn kính ông bà tổ tiên,* ban hành tại Nha Trang, ngày 14/11/1974; Cf. Conférence épiscopale du Vietnam, "*Déclaration des évêques du Vietnam sur les rites de veneration des ancêtres*", dans *Linh Muc (Sacerdos),* n°156, p.879-880.
13. HĐGMVN, *Thông Cáo của Hội đồng Giám mục Việt Nam về việc tôn kính tổ tiên,* ban hành tại Đà Lạt, 14/06/1965.
14. HĐGMVN, Ủy Ban Giáo Lý Đức Tin, *Giáo Lý Hôn Nhân và Gia Đình,* Nxb. Tôn Giáo, Hà nội 2004, trg. 212-220; Cf. Văn Kiện *Hướng dẫn việc tôn kính tổ tiên,* (04/10/2019).

[57] HĐGMVN, Ủy Ban Giáo Lý Đức Tin, *Giáo Lý Hôn Nhân và Gia Đình,* Nxb. Tôn Giáo, Hà nội 2004, trg. 212-220; Cf. Văn Kiện *Hướng dẫn việc tôn kính tổ tiên,* (04/10/2019).

15. Henri-Alexandre CHAPOULIE, *Aux origines d'une Eglise: Rome et les missions d'Indochine au XVIIème siècle,* Paris, Bloud et Gay, 1943, tome I.
16. Huấn thị *Plane Compertum est*, 08/12/1939**,** Bản dịch của Linh mục Giuse Đỗ Quang Chính, S.J, từ Latin sang Pháp Văn trong ACHARD, Le Siège apostolique et les missions: textes et documents pontificaux, Fascicule II, 2nd Edition, Pari-Lyon, 1959.
17. Instrutio Vicariorum Apostolicorum ad regna sinarum Tonchini et Cochinae proficiscentum 1659, dans *ibid.,* p.393-402; *Instructions aux Vicaires apostoliques des Royaumes du Tonkin et Cochinchine de 1659,* traduction française par Bernard JACQUELINE, «L'esprit missionnaire de la S.C. 'de Propagande Fide' d'après les Instructions aux vicaires apostoliques des royaumes du Tonkin et de Cochinchine (1659)», dans *Le Document Omnis terra,* Rome, LXXXI-5, mai 1971.
18. JARRY E., «La querelle des rites», in *Histoire universelle des missions catholiques,* Paris, Grund, 1957, Tome II. Pour l'Extrême-Orient, les rites chinois, et, pour l'Inde, les rites malabars.
19. La Documentation Catholique, n°909, tome 41, 1940.
20. LADAME Jean, *Saints et bienheureux de Jean-Paul II. Les 117 Saint martyrs vietnamiens,* Montsûrs, Résiac, 1992.
21. LAUNAY Adrien, *Histoire générale de la Société des Missions Etrangères,* 3 vol., Paris, 1844, repris par Georges TABOULET.
22. LESSERTEUR E.C., *Les premiers prêtres indigènes de l'Eglise tonkinoise,* Lyon, 1883, repris par Georges TABOULET.
23. Lettre de Mgr. Gaspais au cardinal préfet de la Propagande (25/03/1935), cf. «Documents concernant la Mandchourie», in *La Documentation catholique,* n°909, tome 41, 1940, col.175-179.
24. NGUYỄN Huy Lai, *La tradition religieuse spirituelle et sociale au Vietnam,* Paris, Beauchesne, 1982.
25. PALLU François, *Etat sommaire des missions de la Chine et envoi de trois évêques dans les nouvelles Eglises de cet empire (Mémoire de propagande composé vers 1660),* repris par A. LAUNAY, *Lettres de Mgr. PALLU,* Paris, tome I.
26. PHAN Thanh Gian, dir, *Kham Dinh Viet su Thong Giam Cuong muc,* Taipei, National central Library, 1969, liv.33, p.10, in *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises,* Saïgon, supplément au t.45, 1970, p.10. Traduction française de Philippe LANGLET, *La tradition vietnamienne: un état national au sein de la civilisation chinoise,* extrait du *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises,* Nouvelle série, tome 45, n°2 et n°3, Saigon, 1970.
27. Sacerdos-Linh mục Nguyệt San, tháng 7-1965, trang 489-492; HĐGMVN, Ủy Ban Giáo Lý Đức Tin, *Giáo lý Hôn nhân và Gia đình,* Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội, 2004, trg. 205-209.
28. Siège Apostolique et les missions, Textes et documents pontificaux II, Pie XII, 1939 à 1954, Paris/Lyon, Union Missionnaire du Clergé, 1959, n°1, p.153-154; Bản dịch của Linh mục Giuse Đỗ Quang Chính, S.J.
29. TABOULET Georges, *La geste française en Indochine. Histoire par les textes de la France en Indochine des origines à 1914,* Paris, Adrien-Maisonneuve, 1955, tome 1, p.10; Cf. Histoire universelle des missions catholiques, d'après la conception originale de J.L.FRANCOISPRIMO, publié sous la direction de Mgr.S. DELACROIX, Paris, Libraire Grund, 1958, tome 2.
30. Thông Cáo của Hội Đồng Giám mục Việt Nam về việc tôn kính tổ tiên (14/10/1965).
31. *Voyages et missions du Père Alexandre de Rhodes de la Compagnie de Jésus en Chine et autres royaumes de l'Orient*, repris par Georges TABOULET.

Mục lục

Mở đầu....1
I. Đức tin vào Việt Nam vào thế kỷ thứ XVI....1
A. Các nhà truyền giáo dòng Đa Minh....1
B. Các nhà truyền giáo dòng Tên....2
C. Các Linh mục thuộc Hội Thừa Sai Paris....4
II. Những bản văn chỉ dẫn việc thờ kính ông bà tổ tiên....7
A. Huấn thị *Plane Compertum est*, 08/12/1939....7
B. Thông cáo của Hội Đồng Giám mục Việt Nam về việc tôn kính tổ tiên....8
C. Quyết nghị của HĐGM Việt Nam về lễ nghi tôn kính ông bà tổ tiên....10
III. Giáo Hội Việt Nam hướng đến nghi lễ tổ tiên....11
A. Những khó khăn khi thực hành nghi lễ thờ kính ông bà tổ tiên trong Giáo Hội từ thế kỷ XVII đến XVIII....11
B. Việc áp dụng Huấn thị *Plane compertum est*....12
C. Đôi hôn phối cử hành nghi lễ gia tiên....14
Kết luận....17
Tài liệu tham khảo....17
Mục lục....19